



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Thông tin về Công ty

| | | |
|--------------------------------|------------|--------------------------|
| Giấy Chứng nhận | 1301026370 | ngày 17 tháng 3 năm 2017 |
| Đăng ký Doanh nghiệp số | 1301026370 | ngày 31 tháng 5 năm 2018 |

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh hai lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1301026370 ngày 31 tháng 5 năm 2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Phòng Đăng ký Kinh doanh Tỉnh Bến Tre cấp.

| | | |
|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hội đồng Quản trị | Ông Lưu Văn Tuấn Bà Bùi Thị Thúy Ông Đinh Văn Thuận Ông Nguyễn Sơn Dương Ông Phạm Tấn Lợi Ông Phạm Hồng Minh | Chủ tịch Thành viên Thành viên (từ ngày 22 tháng 04 năm 2022) Thành viên (đến ngày 22 tháng 04 năm 2022) Thành viên Thành viên |
|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

| | | |
|----------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| Ban Kiểm soát | Ông Đỗ Văn Biên Ông Hà Đức Trung Bà Lưu Thanh Thảo | Trưởng ban Thành viên Thành viên |
|----------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------|

| | | |
|---------------------|---------------------------------------|--------------------------|
| Ban Giám đốc | Ông Lưu Văn Tuấn Bà Lê Thị Tố Uyên | Giám đốc Phó Giám đốc |
|---------------------|---------------------------------------|--------------------------|

| | | |
|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| Trụ sở đăng ký | Áp Phước Hậu (Thửa đất số 379, tờ bản đồ số 7) Xã An Phước, Huyện Châu Thành Tỉnh Bến Tre Việt Nam | |
|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

| | | |
|--------------------------|-------------------------------|--|
| Công ty kiểm toán | Công ty TNHH KPMG Việt Nam | |
|--------------------------|-------------------------------|--|

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 27 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, ngày 15 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 27.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 3(e)(ii) của báo cáo tài chính, trong đó có thể hiện việc kê từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, Công ty đã đánh giá lại và thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của một số nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị trên cơ sở phi hồi tố để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của các tài sản cố định này. Ảnh hưởng của việc thay đổi thời gian hữu dụng của các tài sản cố định này đối với báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày trong Thuyết minh 3(e)(ii) của báo cáo tài chính. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không ngoại trừ vấn đề này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00584-23-1



Nguyễn Thủy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2023



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|-----------------------------------------------------------|--------------|--------------------|---------------------------|-------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 65.233.651.532 | 63.342.862.390 |
| Tiền | 110 | 4 | 2.353.858.186 | 2.751.711.618 |
| Tiền | 111 | | 2.353.858.186 | 2.751.711.618 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 6.953.786.784 | 2.693.797.793 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5 | 6.818.833.942 | 2.286.759.190 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 31.480.080 | 306.999.501 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 103.472.762 | 100.039.102 |
| Hàng tồn kho | 140 | 6 | 55.187.063.312 | 57.060.022.346 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 738.943.250 | 837.330.633 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 738.943.250 | 837.330.633 |
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260) | 200 | | 515.313.176.267 | 558.385.169.837 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 20.000.000 | 25.000.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | 20.000.000 | 25.000.000 |
| Tài sản cố định | 220 | | 495.847.931.984 | 538.122.424.224 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 7 | 495.847.931.984 | 538.122.424.224 |
| Nguyên giá | 222 | | 741.044.944.828 | 740.816.446.461 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (245.197.012.844) | (202.694.022.237) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | 502.286.096 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | 502.286.096 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 19.445.244.283 | 19.735.459.517 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 8 | 18.489.399.614 | 19.082.397.481 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 9 | 955.844.669 | 653.062.036 |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 580.546.827.799 | 621.728.032.227 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

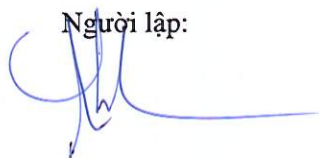
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|---------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 446.996.028.736 | 490.374.349.359 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 216.048.256.032 | 173.703.629.907 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 10 | 6.252.850.834 | 11.547.126.562 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 10.591.500 | 91.500 |
| Thuế phải nộp Nhà nước | 313 | 11 | 70.614.422.204 | 68.456.672.078 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 12 | 7.898.618.372 | 6.598.784.285 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 13 | 8.136.604.517 | 1.040.436.424 |
| Vay ngắn hạn | 320 | 14(a) | 121.178.369.547 | 86.000.000.000 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 15 | 1.956.799.058 | 60.519.058 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 230.947.772.704 | 316.670.719.452 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | 224.250.000 |
| Vay dài hạn | 338 | 14(b) | 226.446.469.452 | 316.446.469.452 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | 9 | 4.501.303.252 | - |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 133.550.799.063 | 131.353.682.868 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 16 | 133.550.799.063 | 131.353.682.868 |
| Vốn cổ phần | 411 | 17 | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 100.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 33.550.799.063 | 31.353.682.868 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 19.752.402.868 | 26.343.408.478 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 13.798.396.195 | 5.010.274.390 |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 580.546.827.799 | 621.728.032.227 |

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phạm Thế Lộc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2022 VND | 2021 VND |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán hàng | 01 | 19 | 592.466.300.344 | 489.509.302.154 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 20 | 527.890.224.965 | 444.929.231.629 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11) | 20 | | 64.576.075.379 | 44.580.070.525 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 269.374.875 | 386.031.103 |
| Chi phí tài chính | 22 | | 24.013.497.015 | 30.078.817.242 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 24.013.497.015 | 30.078.817.242 |
| Chi phí bán hàng | 25 | | 7.449.802 | 17.055.009 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 21 | 11.533.327.809 | 10.437.256.169 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 29.291.175.628 | 4.432.973.208 |
| Thu nhập khác | 31 | | 1.077.291.554 | 2.281.398.456 |
| Chi phí khác | 32 | 22 | 3.937.121.703 | 329.106.176 |
| Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | (2.859.830.149) | 1.952.292.280 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 26.431.345.479 | 6.385.265.488 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 24 | 1.884.428.665 | 1.005.282.033 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 24 | 4.198.520.619 | 369.709.065 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 20.348.396.195 | 5.010.274.390 |

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phạm Thế Lộc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2022 VND | 2021 VND |
|----------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | | 26.431.345.479 | 6.385.265.488 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao | 02 | | 42.502.990.607 | 71.174.449.797 |
| Thu nhập lãi tiền gửi | 05 | | (269.374.875) | (386.031.103) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 24.013.497.015 | 30.078.817.242 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 92.678.458.226 | 107.252.501.424 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | | (4.254.988.991) | 7.134.830.885 |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | 1.872.959.034 | (18.182.728.655) |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | | (13.467.090) | (14.919.572.335) |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | | 965.172.979 | 653.898.206 |
| | | | 91.248.134.158 | 81.938.929.525 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (24.381.455.530) | (31.303.808.038) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (1.457.276.482) | (3.287.947.335) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (1.255.000.000) | (1.325.295.934) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 64.154.402.146 | 46.021.878.218 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định | 21 | | - | (455.162.424) |
| Tiền thu lãi tiền gửi | 27 | | 269.374.875 | 386.031.103 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 269.374.875 | (69.131.321) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2022 VND | 2021 VND |
|------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | | 554.439.262.367 | 491.736.674.262 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (609.260.892.820) | (606.040.551.447) |
| Tiền chi trả cổ tức | 36 | | (10.000.000.000) | (5.000.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (64.821.630.453) | (119.303.877.185) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | (397.853.432) | (73.351.130.288) |
| Tiền đầu năm | 60 | | 2.751.711.618 | 76.102.841.906 |
| Tiền cuối năm (70 = 50 + 60) | 70 | 4 | 2.353.858.186 | 2.751.711.618 |

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phạm Thế Lộc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, và nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 88 nhân viên (1/1/2022: 114 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 150.815 triệu VND (1/1/2022: 110.361 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 14). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn hạn mức tín dụng ngân hàng chưa sử dụng với giá trị là 46.322 triệu VND và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và không thể tiếp tục tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyên khoản và tỷ giá bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 46 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 6 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, Công ty đã đánh giá lại và thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của một số nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị trên cơ sở phi hồi tố để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của các tài sản này. Việc thay đổi thời gian khấu hao này nằm trong khung thời gian khấu hao cho phép tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và hướng dẫn tại Điều 38 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Thời gian hữu dụng của các tài sản cố định này được điều chỉnh như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------------------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | từ 25 năm thành 10 – 46 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | từ 4 – 10 năm thành 15 năm |



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Việc thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản nêu trên đã làm giảm chi phí khấu hao và tăng lợi nhuận trước thuế với số tiền là 28.727 triệu VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

(f) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 48 đến 52 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két inox 2 lít sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(p) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***4. Tiền**

| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|--------------------|-------------------|-----------------|
| Tiền gửi ngân hàng | 2.353.858.186 | 2.751.711.618 |

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn - một bên liên quan | 6.734.475.000 | 2.178.627.388 |
| Các khách hàng khác | 84.358.942 | 108.131.802 |
| | 6.818.833.942 | 2.286.759.190 |

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

6. Hàng tồn kho

| | 31/12/2022 | | 1/1/2022 | |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên vật liệu | 11.346.532.808 | - | 18.757.345.736 | - |
| Công cụ và dụng cụ | 6.496.966.767 | - | 5.694.992.709 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 18.176.181.102 | - | 12.849.939.672 | - |
| Thành phẩm | 19.007.350.635 | - | 19.687.607.877 | - |
| Hàng hóa | 160.032.000 | - | 70.136.352 | - |
| | 55.187.063.312 | - | 57.060.022.346 | - |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Tổng VND |
|-----------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 197.811.249.918 | 540.969.661.452 | 2.035.535.091 | 740.816.446.461 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 228.498.367 | - | - | 228.498.367 |
| Số dư cuối năm | 198.039.748.285 | 540.969.661.452 | 2.035.535.091 | 741.044.944.828 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 24.657.601.311 | 177.155.057.893 | 881.363.033 | 202.694.022.237 |
| Khấu hao trong năm | 5.860.649.147 | 36.201.609.264 | 440.732.196 | 42.502.990.607 |
| Số dư cuối năm | 30.518.250.458 | 213.356.667.157 | 1.322.095.229 | 245.197.012.844 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư đầu năm | 173.153.648.607 | 363.814.603.559 | 1.154.172.058 | 538.122.424.224 |
| Số dư cuối năm | 167.521.497.827 | 327.612.994.295 | 713.439.862 | 495.847.931.984 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 495.848 triệu VND (1/1/2022: 538.122 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 14(b)).

8. Chi phí trả trước dài hạn

| | Chi phí đất trả trước VND | Bao bì luân chuyển VND | Công cụ và dụng cụ VND | Tổng VND |
|-----------------------|------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm | 18.492.855.744 | 232.731.971 | 356.809.766 | 19.082.397.481 |
| Tăng trong năm | - | - | 259.010.439 | 259.010.439 |
| Thanh lý | - | 9.660.000 | - | 9.660.000 |
| Phân bổ trong năm | (409.433.652) | (122.437.461) | (310.477.193) | (842.348.306) |
| Số dư cuối năm | 18.083.422.092 | 100.634.510 | 305.343.012 | 18.489.399.614 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 18.083 triệu VND (1/1/2022: 18.493 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 14(b)).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

| | Thuế suất | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------|-------------------------|
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: | | | |
| Chi phí phải trả và các khoản dự phòng | 20% | 955.844.669 | 653.062.036 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: | | | |
| Chênh lệch tạm thời phát sinh từ khấu hao tài sản cố định hữu hình | 20% | (4.501.303.252) | - |
| (Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần)/ tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần | | (3.545.458.583) | 653.062.036 |

10. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

| | Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ | |
|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------|
| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Năng Lượng Xanh | 1.916.662.005 | 2.128.061.295 |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phước Thành IV | 1.818.134.500 | - |
| Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Sản xuất Lê Lôi | 932.677.200 | - |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | 396.148.320 | 7.764.480.241 |
| Các nhà cung cấp khác | 1.189.228.809 | 1.654.585.026 |
| | 6.252.850.834 | 11.547.126.562 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

| | Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ | |
|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------|
| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | 396.148.320 | 7.764.480.241 |
| Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn | - | 276.788.081 |

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

11. Thuế phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2022 VND | Số phát sinh trong năm VND | Số đã nộp/cán trừ trong năm VND | 31/12/2022 VND |
|-------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 6.386.920.560 | 117.268.958.719 | (116.057.257.915) | 7.598.621.364 |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 61.277.759.591 | 585.011.715.649 | (584.551.194.705) | 61.738.280.535 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 716.778.711 | 1.884.428.665 | (1.457.276.482) | 1.143.930.894 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 75.213.216 | 493.276.098 | (434.899.903) | 133.589.411 |
| Các loại thuế khác | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - |
| | 68.456.672.078 | 704.661.379.131 | (702.503.629.005) | 70.614.422.204 |

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|--------------------------|---------------------------|-------------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 2.323.250.643 | 2.691.209.158 |
| Chi phí thưởng | 4.779.223.345 | 3.265.310.182 |
| Chi phí phải trả khác | 796.144.384 | 642.264.945 |
| | 7.898.618.372 | 6.598.784.285 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|---------------------------------|-------------------|-----------------|
| Cổ tức phải trả | 5.000.000.000 | - |
| Hàng mua chưa nhận được hóa đơn | 2.384.030.984 | 164.883.580 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 752.573.533 | 875.552.844 |
| | 8.136.604.517 | 1.040.436.424 |

14. Vay

(a) Vay ngắn hạn

| | 1/1/2022 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND | Biến động trong năm | | 31/12/2022 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND |
|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------|
| | | Tăng VND | Giảm VND | |
| Vay ngắn hạn (*) | - | 554.439.262.367 | (500.760.892.820) | 53.678.369.547 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 14(b)) | 86.000.000.000 | 90.000.000.000 | (108.500.000.000) | 67.500.000.000 |
| | 86.000.000.000 | 644.439.262.367 | (609.260.892.820) | 121.178.369.547 |

(*) Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------|-------------------|-----------------|
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4, TP Hồ Chí Minh | VND | 3,30% - 8,00% | 53.678.369.547 | - |

Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4, TP Hồ Chí Minh có hạn mức tín dụng là 100.000 triệu VND và được đảm bảo bằng tài sản như được trình bày ở Thuyết minh 14(b).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|-----------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Vay dài hạn (*) | 293.946.469.452 | 402.446.469.452 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14(a)) | (67.500.000.000) | (86.000.000.000) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | 226.446.469.452 | 316.446.469.452 |
| | <hr/> | <hr/> |

(*) Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|---------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Vietinbank - Chi nhánh 4, TP Hồ Chí Minh | VND | 6,67% - 7,40% | 2026 | 293.946.469.452 | 402.446.469.452 |
| | | | | <hr/> | <hr/> |

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Vietinbank – Chi nhánh 4, TP. Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 513.931 triệu VND (1/1/2022: 556.615 triệu VND) (Thuyết minh 7 và Thuyết minh 8).

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

| | 2022 VND | 2021 VND |
|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 60.519.058 | 51.414.992 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận 2022 (Thuyết minh 16) | 1.550.000.000 | 1.334.400.000 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận 2021 (Thuyết minh 16) | 1.601.280.000 | - |
| Sử dụng trong năm | (1.255.000.000) | (1.325.295.934) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 1.956.799.058 | 60.519.058 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

| | Vốn cổ phần VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng VND |
|--------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------------------------------|------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 100.000.000.000 | 32.677.808.478 | 132.677.808.478 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | 5.010.274.390 | 5.010.274.390 |
| Cổ tức (Thuyết minh 18) | - | (5.000.000.000) | (5.000.000.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận 2020 (Thuyết minh 15) | - | (1.334.400.000) | (1.334.400.000) |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 100.000.000.000 | 31.353.682.868 | 131.353.682.868 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | 20.348.396.195 | 20.348.396.195 |
| Cổ tức (Thuyết minh 18) | - | (15.000.000.000) | (15.000.000.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận 2022 (Thuyết minh 15) | - | (1.550.000.000) | (1.550.000.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận 2021 (Thuyết minh 15) | - | (1.601.280.000) | (1.601.280.000) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 100.000.000.000 | 33.550.799.063 | 133.550.799.063 |

17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 31/12/2022 và 1/1/2022 | |
|-----------------------------------------------|------------------------|-----------------|
| | Số lượng cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 10.000.000 | 100.000.000.000 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 10.000.000 | 100.000.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 22 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty quyết định chia cổ tức cho các cổ đông với số tiền là 10.000 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 (2021: 5.000 triệu VND, tương đương 500 VND/cổ phiếu).

Tại cuộc họp này, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty cũng quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông với số tiền là 5.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 (tương đương 500 VND/cổ phiếu).

19. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

| | 2022 VND | 2021 VND |
|--------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Tổng doanh thu | | |
| ▪ Bán thành phẩm | 585.193.803.444 | 482.692.346.461 |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i> | | |
| <i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i> | 1.170.204.641.684 | 945.433.960.257 |
| <i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i> | (585.010.838.240) | (462.741.613.796) |
| ▪ Bán bã bia | 7.186.702.700 | 5.633.258.800 |
| ▪ Doanh thu khác | 85.794.200 | 1.183.696.893 |
| | <hr/> 592.466.300.344 | <hr/> 489.509.302.154 |

20. Giá vốn hàng bán

| | 2022 VND | 2021 VND |
|-----------------------|---------------------------|---------------------------|
| Tổng giá vốn hàng bán | | |
| ▪ Thành phẩm đã bán | 527.890.224.965 | 444.712.144.665 |
| ▪ Hàng hoá đã bán | - | 217.086.964 |
| | <hr/> 527.890.224.965 | <hr/> 444.929.231.629 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2022 VND | 2021 VND |
|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nhân viên | 8.505.090.909 | 7.575.437.207 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 108.171.341 | 176.099.562 |
| Chi phí khấu hao | 443.232.192 | 443.232.192 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.963.994.591 | 1.759.272.166 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 512.838.776 | 483.215.042 |
| | <hr/> 11.533.327.809 | <hr/> 10.437.256.169 |

22. Chi phí khác

| | 2022 VND | 2021 VND |
|----------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí khấu hao máy móc tạm ngừng hoạt động | 3.498.900.943 | - |
| Chi phí khác | 438.220.760 | 329.106.176 |
| | <hr/> 3.937.121.703 | <hr/> 329.106.176 |

23. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | 2022 VND | 2021 VND |
|------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 467.757.423.084 | 354.560.084.844 |
| Chi phí nhân công và nhân viên | 24.219.565.998 | 21.616.811.502 |
| Chi phí khấu hao | 42.502.990.607 | 71.174.449.797 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 12.882.895.362 | 13.385.961.517 |
| Chi phí khác | 671.347.760 | 675.430.497 |
| | <hr/> | <hr/> |



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | 2022 VND | 2021 VND |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Năm hiện hành | 1.884.428.665 | 1.005.282.033 |
| Chi phí thuế thu nhập hoãn lại Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời | 4.198.520.619 | 369.709.065 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.082.949.284 | 1.374.991.098 |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2022 VND | 2021 VND |
|-------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 26.431.345.479 | 6.385.265.488 |
| Thuế theo thuế suất của Công ty | 5.286.269.096 | 1.277.053.098 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 796.680.188 | 97.938.000 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.082.949.284 | 1.374.991.098 |

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| | Giá trị giao dịch | |
|-----------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------|
| | 2022 VND | 2021 VND |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | | |
| Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt) | 1.169.420.458.490 | 944.552.204.300 |
| Bán khác | 58.334.574 | 1.036.977.475 |
| Mua nguyên vật liệu | 418.406.027.972 | 326.526.514.717 |
| Cổ tức đã trả | 2.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn | | |
| Phí sử dụng vỏ chai | - | 251.625.528 |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co | | |
| Mua dịch vụ | 258.070.000 | 228.408.600 |
| Thành viên Hội đồng Quản trị | | |
| <i>Thù lao</i> | | |
| Ông Lưu Văn Tuấn – Chủ tịch | 104.000.000 | 104.000.000 |
| Bà Bùi Thị Thúy – Thành viên | 78.000.000 | 78.000.000 |
| Ông Nguyễn Sơn Dương – Thành viên | 24.000.000 | 78.000.000 |
| Ông Phạm Tấn Lợi – Thành viên | 78.000.000 | 78.000.000 |
| Ông Phạm Hồng Minh – Thành viên | 78.000.000 | 78.000.000 |
| Ông Đinh Văn Thuận – Thành viên | 54.000.000 | - |
| Nhân sự quản lý chủ chốt | | |
| <i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i> | 2.234.447.691 | 2.721.488.887 |
| Thành viên Ban kiểm soát | | |
| <i>Thù lao</i> | | |
| Ông Đỗ Văn Biên – Trưởng ban | 65.000.000 | 65.000.000 |
| Ông Hà Đức Trung – Thành viên | 52.000.000 | 52.000.000 |
| Bà Lưu Thanh Thảo – Thành viên | 52.000.000 | 52.000.000 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

26. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Phạm Thế Lộc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

